

致理科技大學弱勢學生助學措施（含急難救助）

Hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn và cứu trợ khẩn cấp –

Đại học Khoa học Công nghệ Chihlee

一、致理愛心便當

1. Suất cơm nhân ái

因家庭經濟困難或突遭變故而無力購餐的同學，本校與下列店家合作，每日提供愛心餐盒數份。請同學先領取餐券，再持券前往店家領餐。

Bạn nào vì gia đình khó khăn về kinh tế hoặc gặp biến cố bất ngờ mà không đủ tiền mua cơm, trường đã liên kết với các quán dưới đây, mỗi ngày tặng một số suất cơm. Các bạn nhận phiếu ăn trước, rồi mang phiếu đến quán để lấy cơm.

編號 STT	店家 Tên quán	地址 Địa chỉ
1	阿國便當店 Quán cơm A Quốc	新北市板橋區自由路 43 號 Số 43 đường Tự Do (Ziyou Rd), quận Bàn Kiều, Tân Bắc
2	芳鄰早餐店 Tiệm ăn sáng Phương Lân	新北市板橋區文化路一段 311-13 號 Số 311-13, đoạn 1 đường Văn Hóa (Wenhua Rd), quận Bàn Kiều, Tân Bắc
3	夢饗小吃 Quán ăn Mộng Hương	新北市板橋區文化路一段 311-16 號 Số 311-16, đoạn 1 đường Văn Hóa (Wenhua Rd), quận Bàn Kiều, Tân Bắc
4	曹家便當店 Quán cơm nhà họ Tào	新北市板橋區介壽街 12 號 Số 12 phố Giới Thọ (Jieshou St), quận Bàn Kiều, Tân Bắc
5	Fun 鬆廚房 Bếp Fun Tùng (Fun Song Kitchen)	新北市板橋區介壽街 11 號 Số 11 phố Giới Thọ (Jieshou St), quận Bàn Kiều, Tân Bắc

二、致理之愛基金

2. Quỹ Nhân ái của trường

學生如遭逢下列情況之一，本校得補助其每月基本生活所需：

Sinh viên rơi vào một trong các trường hợp sau có thể được trường trợ cấp chi phí sinh hoạt cơ bản hằng tháng:

- 家庭突遭變故者。
Gia đình gặp biến cố bất ngờ.
- 因其他特殊狀況造成經濟困難，難以順利就學者。
Gặp hoàn cảnh đặc biệt khác khiến kinh tế khó khăn, khó tiếp tục việc học.
- 經簽請校長專案核准者。
Trường hợp được Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt riêng.

每位學生同一事件，以補助一次為限。

Với cùng một sự việc, mỗi sinh viên chỉ được hỗ trợ một lần.

每次慰助以新臺幣 5,000 元為原則，視個案狀況最高得補助新臺幣 20,000 元。

Mỗi lần hỗ trợ thông thường là 5.000 Đài tệ; tùy hoàn cảnh cụ thể, mức cao nhất có thể lên đến 20.000 Đài tệ.

三、緊急聯絡電話

3. Số điện thoại khẩn cấp

（一）遇緊急狀況請先撥打

Khi gặp tình huống khẩn cấp, gọi ngay

單位／專線 Đơn vị / Đường dây	電話 Số điện thoại	說明 Ghi chú
報案（警察） Báo cảnh sát	110	竊盜、搶劫、詐騙、人身安全威脅 Trộm cắp, cướp giật, lừa đảo, bị đe dọa an toàn

單位／專線 Đơn vị / Đường dây	電話 Số điện thoại	說明 Ghi chú
救護、消防 Cấp cứu, cứu hỏa	119	受傷、急病、火災 Bị thương, ốm nặng đột ngột, hỏa hoạn
本校校安中心（24 小時） Trục ban an toàn học đường của trường (24/24)	02-2258-0318	校內外意外事件均可聯繫 Gặp sự cố trong hay ngoài trường đều có thể gọi
本校性騷擾及性侵害專線 Đường dây báo quấy rối, xâm hại tình dục của trường	02-6621-9995	
113 保護專線（24 小時） Đường dây bảo vệ 113 (24/24)	113	家暴、性侵害、性騷擾；有越南語服務 Bạo lực gia đình, xâm hại, quấy rối tình dục; có hỗ trợ tiếng Việt
行政院國家搜救指揮中心 Trung tâm chỉ huy tìm kiếm cứu nạn quốc gia	0800-199-199	

（二）學校各單位

Các đơn vị trong trường

學校總機：02-2257-6167、02-2257-6168，接通後請按分機號碼。

Tổng đài trường: 02-2257-6167, 02-2257-6168, sau khi kết nối thì bấm số máy lẻ.

單位 Đơn vị	分機 Số máy lẻ
國際暨兩岸交流處（外籍生輔導） Phòng Hợp tác Quốc tế (hỗ trợ sinh viên nước ngoài)	1315
學務處 Phòng Công tác sinh viên	1210
生活輔導組 Tổ Hỗ trợ đời sống sinh viên	1213
軍訓室 Phòng Quân huấn (an ninh học đường)	1212
教務處 Phòng Đào tạo	1203
總務處 Phòng Hành chính tổng hợp	1310
事務組 Tổ Sự vụ	1287、1217
健康中心 Trung tâm Y tế	1215
學生輔導中心 Trung tâm Tư vấn tâm lý sinh viên	1285、1228
進修部 Hệ Đào tạo buổi tối (進修部)	1275、1207
營繕組 Tổ Xây dựng – Sửa chữa	1324
學生宿舍 Ký túc xá	1230
大門警衛 Bảo vệ cổng chính	1235

（三）學校附近警察局與醫院

Đồn cảnh sát và bệnh viện gần trường

單位 Đơn vị	電話 Số điện thoại
海山分局 Phân cục Cảnh sát Hải Sơn	02-2964-0322
新海派出所 Đồn cảnh sát Tân Hải	02-2258-6867
海山分局交通分隊 Đội Cảnh sát giao thông – Phân cục Hải Sơn	02-2957-4112
中英醫院 Bệnh viện Trung Anh	02-2256-3584
新北市立聯合醫院板橋院區 Bệnh viện Liên hợp TP Tân Bắc – cơ sở Bản Kiều	02-2257-5151
亞東紀念醫院（板橋） Bệnh viện Á Đông (Bản Kiều)	02-8966-7000

（四）其他諮詢專線

Các đường dây tư vấn khác

專線 Đường dây	電話 Số điện thoại
教育部境外學生諮詢專線（中、英、印尼、越南語） Đường dây tư vấn sinh viên nước ngoài của Bộ Giáo dục (tiếng Trung, Anh, Indonesia, Việt)	0800-789-007
勞動部勞工諮詢申訴專線（打工、薪資問題） Đường dây tư vấn, khiếu nại lao động của Bộ Lao động (vấn đề làm thêm, tiền lương)	1955
移民署外來人士在臺生活諮詢服務熱線 Đường dây tư vấn đời sống cho người nước ngoài của Sở Di dân	0800-024-111

本文件中越對照；如中越文內容有出入，以中文為準。

Tài liệu song ngữ Trung – Việt. Nếu hai bản có chỗ khác nhau, lấy bản tiếng Trung làm chuẩn.